

THỰC TRẠNG ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM KIÊN GIANG

Nguyễn Chí Thức
Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang

Tóm tắt: Nghiên cứu trình bày cơ sở lý luận và khảo sát thực trạng động cơ học tập của sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang. Dựa trên các lý thuyết tâm lý học động cơ (Maslow, Deci & Ryan, Leontiev, Bandura), bài viết phân tích cấu trúc và đặc điểm của bốn nhóm động cơ học tập gồm: nhận thức khoa học, xã hội, nghề nghiệp và tự khẳng định. Kết quả khảo sát 262 sinh viên cho thấy động cơ nghề nghiệp chiếm ưu thế (ĐTB = 3,92), tiếp đến là động cơ nhận thức (3,84), xã hội (3,56) và tự khẳng định (3,41). Các yếu tố ảnh hưởng chính gồm: định hướng nghề nghiệp, môi trường học tập, sự hỗ trợ của giảng viên và đặc trưng văn hóa vùng miền. Từ kết quả đó, bài viết đề xuất các giải pháp phát triển động cơ học tập nội tại, khơi dậy hứng thú nghề nghiệp và tăng cường hiệu quả đào tạo giáo viên mầm non trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Động cơ học tập, sinh viên, giáo dục mầm non, nghề nghiệp, Kiên Giang.

THE CURRENT STATUS OF LEARNING MOTIVATION AMONG STUDENTS IN THE EARLY CHILDHOOD EDUCATION PROGRAM AT KIEN GIANG COLLEGE OF EDUCATION

Abstract: This study presents the theoretical foundation and investigates the current situation of learning motivation among students majoring in Early Childhood Education at Kien Giang College of Education. Based on psychological theories of motivation (Maslow, Deci & Ryan, Leontiev, Bandura), the paper analyzes the structure and characteristics of four groups of learning motivations: scientific-cognitive, social, professional, and self-affirmation. A survey of 262 students shows that professional motivation is dominant ($M = 3.92$), followed by cognitive (3.84), social (3.56), and self-affirmation motivation (3.41). The main influencing factors include career orientation, learning environment, lecturer support, and regional cultural characteristics. From these results, the paper proposes solutions to foster intrinsic learning motivation, stimulate professional interest, and enhance the effectiveness of preschool teacher training in the current context.

Keywords: Learning motivation, students, early childhood education, profession, Kien Giang.

Nhận bài: 20/09/2025

Phản biện: 20/10/2025

Duyệt đăng: 25/10/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Động cơ học tập là yếu tố tâm lý có vai trò quyết định đến hiệu quả và chất lượng học tập của sinh viên, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo sư phạm mầm non. Khi sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, họ sẽ chủ động chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng nghề và hình thành thái độ nghề nghiệp tích cực. Ngược lại, nếu động cơ học tập mờ nhạt, sinh viên dễ rơi vào tình trạng học đối phó, thiếu tự giác và không gắn kết với nghề nghiệp tương lai (Trần Thị Thanh Thảo, 2021).

Trong thực tiễn đào tạo, nhiều sinh viên ngành Giáo dục mầm non lựa chọn nghề vì mong muốn việc làm ổn định, thu nhập phù hợp hoặc do định hướng của gia đình, chứ chưa xuất phát từ hứng thú nội tại. Từ đó nảy sinh sự chênh lệch giữa động cơ nghề nghiệp và động cơ nhận thức. Nghiên cứu này hướng đến việc xác định loại động cơ chiếm ưu thế và phân tích nguyên nhân hình thành, qua đó đề xuất các giải pháp giúp phát triển động cơ học tập bền vững cho sinh viên.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận về động cơ học tập

Leontiev (1978) định nghĩa động cơ là yếu tố bên trong thúc đẩy hành động hướng đến mục tiêu. Trong học tập, động cơ được hiểu là tổ hợp nhu cầu, hứng thú, niềm tin và mục đích khiến sinh viên chủ động học để đạt kết quả mong muốn (Vũ Dũng, 2008). Dương Thị Kim Oanh (2008) cho rằng động cơ học tập không chỉ nhằm chiếm lĩnh tri thức mà còn nhằm khẳng định giá trị bản thân trong môi trường học tập.

2.1.1. Các lý thuyết chính được sử dụng làm cơ sở nghiên cứu

Thuyết nhu cầu của Maslow (1970): động cơ học tập được kích thích khi nhu cầu tự khẳng định và phát triển bản thân được chú trọng.

Thuyết tự quyết của Deci & Ryan (1985): động cơ học tập bền vững hình thành khi người học được thỏa mãn nhu cầu tự chủ, năng lực và gắn kết xã hội.

Thuyết tự hiệu quả của Bandura (1997): niềm tin vào năng lực bản thân quyết định hành vi, sự kiên trì và kết quả học tập.

Theo quan điểm hiện đại, động cơ học tập được chia thành hai nhóm lớn:

Động cơ nội tại: Học vì hứng thú, vì niềm vui khám phá tri thức, vì muốn hiểu biết sâu sắc hơn. Trong nghiên cứu này tác giả hướng đến các biểu hiện: Động cơ nhận thức khoa học và Động cơ tự khẳng định.

Động cơ ngoại tại: Học vì phần thưởng, bằng cấp, kỳ vọng xã hội hoặc cơ hội nghề nghiệp. Trong nghiên cứu này tác giả hướng đến các biểu hiện: Động cơ nghề nghiệp và Động cơ vì xã hội.

2.1.2. Quan điểm của Tâm lý học hoạt động về động cơ

Theo Tâm lý học hoạt động (do A.N. Lêônchiev, L.X. Vurgôtski và các nhà tâm lý học Xô Viết phát triển), động cơ được xem là nguồn gốc, nguyên nhân bên trong thúc đẩy hoạt động của con người.

- Hoạt động là hình thức tồn tại cơ bản của đời sống tâm lý con người; mỗi hoạt động đều có đối tượng và động cơ xác định.

- Động cơ chính là cái làm cho con người hành động, là nguyên nhân bên trong quy định hướng đi, cường độ và tính bền vững của hoạt động.

- Động cơ không cố định, mà được hình thành và phát triển trong chính quá trình hoạt động. Khi cá nhân nhận thấy ý nghĩa của mục đích đối với bản thân, mục đích đó sẽ chuyển hóa thành động cơ.

Theo Lêônchiev (1977), cần phân biệt:

- Mục đích: cái mà hoạt động hướng tới trong hiện tại.

- Động cơ: cái thúc đẩy cá nhân tiến hành hoạt động và gắn với ý nghĩa cá nhân của mục đích đó.

Như vậy, động cơ học tập trong quan điểm Tâm lý học hoạt động không chỉ là mong muốn học tập mà là hệ thống ý nghĩa, nhu cầu, hứng thú, niềm tin thúc đẩy sinh viên tham gia hoạt động học. Khi sinh viên hiểu rõ ý nghĩa xã hội và cá nhân của việc học, thì việc học trở thành hoạt động có động cơ bên trong, giúp họ chủ động, tự giác và sáng tạo.

2.1.3. Ba mặt biểu hiện của động cơ học tập theo Tâm lý học hoạt động

- Mặt nhận thức thể hiện ở:

+ Nhận thức được mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập.

+ Hiểu được việc học có vai trò gì đối với bản thân, nghề nghiệp và xã hội.

+ Biết xác định mục tiêu học tập cá nhân, lựa chọn phương pháp học phù hợp.

Đây là cơ sở định hướng cho hoạt động học tập có ý thức và mục đích rõ ràng.

- Mặt thái độ thể hiện ở:

+ Có tình cảm tích cực, yêu thích, hứng thú, niềm tin và giá trị đối với việc học.

+ Thể hiện ý chí, nghị lực, tinh thần vượt khó trong quá trình học tập.

+ Có ý thức trách nhiệm với nghề nghiệp tương lai.

Mặt thái độ là yếu tố cảm xúc - giá trị, tạo nên sự bền vững và chiều sâu của động cơ.

- Mặt hành vi thể hiện ở:

+ Hành động học tập cụ thể, như tham gia tích cực vào giờ học, chuẩn bị bài, làm bài tập, tham gia hoạt động nghiên cứu, thực hành, thảo luận.

+ Tính chủ động, tự giác và sáng tạo trong quá trình học.

+ Sự kiên trì theo đuổi mục tiêu học tập, dù gặp khó khăn.

2.2. Thực trạng động cơ học tập của sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Kiên Giang

2.2.1. Các biểu hiện tự đánh giá về động cơ

Nghiên cứu khảo sát 262 sinh viên của ba khóa học tại Trường CĐSP Kiên Giang bằng bảng hỏi gồm 40 chi báo chia thành 4 nhóm động cơ: nhận thức, xã hội, nghề nghiệp và tự khẳng định. Dữ liệu được xử lý bằng SPSS 16.0 và được kiểm chứng bằng phỏng vấn sâu 15 sinh viên cùng 5 giảng viên giảng dạy lâu năm.

Kết quả thống kê cho thấy điểm trung bình chung của động cơ học tập là 3,68/5, trong đó:

Bảng 1. Điểm trung bình của các nhóm động cơ học tập của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Nhóm động cơ học tập	Điểm trung bình (ĐTB)	Độ lệch chuẩn (SD)	Mức độ
Động cơ nghề nghiệp	3,92	0,58	Cao
Động cơ nhận thức khoa học	3,84	0,61	Cao
Động cơ xã hội	3,56	0,69	Khá
Động cơ tự khẳng định	3,41	0,73	Khá
Trung bình chung	3,68	0,65	Khá

Nhận xét: Sinh viên có xu hướng tập trung vào mục tiêu nghề nghiệp và thực hành nghề (ĐTB = 3,92), trong khi động cơ tự khẳng định ở mức thấp nhất (ĐTB = 3,41). Điều này phản ánh rằng sinh viên học tập chủ yếu vì mục tiêu nghề nghiệp ổn định, hơn là do hứng thú hoặc nhu cầu khẳng định bản thân.

Khi phỏng vấn sâu, nhiều sinh viên chia sẻ:

“Em chọn học mầm non vì sau này ra trường dễ xin việc, gần nhà và phù hợp với con gái.”

“Em thích chăm sóc và dạy trẻ, nhưng học lý thuyết hơi khô khan, chỉ mong được đi thực tập sớm.”

Các trích dẫn này phản ánh sự phân hóa giữa động cơ nghề nghiệp và động cơ nhận thức. Sinh viên có định hướng nghề rõ ràng nhưng động cơ học tập nội tại chưa thực sự mạnh. Một số giảng viên nhận định sinh viên học để “hoàn thành

chương trình” hơn là “chiếm lĩnh tri thức”.

Động cơ nghề nghiệp chiếm ưu thế là kết quả của sự tương tác giữa bối cảnh kinh tế - xã hội địa phương và nhu cầu ổn định của người học. Kiên Giang là tỉnh nông nghiệp, cơ hội nghề nghiệp khác còn hạn chế, trong khi nghề giáo mầm non mang lại tính ổn định, do đó sinh viên coi việc học là phương tiện đạt được mục tiêu sống an toàn và bền vững.

So sánh với nghiên cứu của Phạm Văn Khánh & Nguyễn Thị Lan (2021), động cơ nghề nghiệp ở Kiên Giang cao hơn (3,92 so với 3,67), trong khi động cơ tự khẳng định thấp hơn. Điều này khẳng định ảnh hưởng của yếu tố vùng miền: sinh viên ở các tỉnh thường đặt ưu tiên nghề nghiệp và an sinh lên trên nhu cầu khẳng định bản thân.

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng

Bảng 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên

Nhóm yếu tố ảnh hưởng	Nội dung chính	ĐTB	ĐLC	Mức độ ảnh hưởng
Yếu tố cá nhân (chủ quan)	Hứng thú học tập, mục tiêu cá nhân, tự chủ học tập	4,02	0,64	Rất quan trọng
Sự hỗ trợ của giảng viên	Phương pháp giảng dạy, phản hồi, khích lệ	3,91	0,68	Quan trọng
Môi trường học tập	Cơ sở vật chất, không khí học tập, phong trào học tập	3,84	0,72	Quan trọng
Định hướng nghề nghiệp	Chính sách tuyển dụng, cơ hội việc làm	3,78	0,70	Khá quan trọng
Ảnh hưởng xã hội và văn hóa	Kỳ vọng gia đình, giá trị vùng miền	3,67	0,75	Trung bình

- Yếu tố cá nhân: Trong các nhóm yếu tố ảnh hưởng, yếu tố chủ quan (bao gồm hứng thú học tập, mục tiêu cá nhân và mức độ tự chủ trong học tập) có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 4,02; ĐLC = 0,64), cho thấy đây là yếu tố tác động mạnh mẽ nhất đến động cơ học tập của sinh viên. Điều này phản ánh vai trò quyết định của nội lực cá nhân trong việc duy trì sự kiên trì, chủ động và cảm xúc tích cực với hoạt động học tập.

Phần lớn sinh viên có động cơ học tập bền vững thường thể hiện tinh thần tự giác cao, biết tự đặt mục tiêu học tập, và có hứng thú rõ ràng với nghề giáo dục mầm non. Họ không chỉ học vì yêu cầu của chương trình mà còn vì mong muốn phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân. Kết quả này phù hợp với quan điểm của Deci & Ryan (1985) về thuyết tự quyết, trong đó động cơ học

tập bền vững được hình thành khi người học được thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản: tự chủ, năng lực và gắn kết.

- Ảnh hưởng của giảng viên và môi trường học tập

Giảng viên đóng vai trò trung gian kích hoạt động cơ học tập. 82% sinh viên được khảo sát cho biết họ học hứng thú hơn khi giảng viên khuyến khích thảo luận và liên hệ thực tiễn. Điều này phù hợp với Bandura (1997) khi cho rằng niềm tin và mô hình hành vi của người dạy có thể truyền cảm hứng mạnh mẽ cho người học.

Ngoài ra, môi trường học tập thân thiện, cơ sở vật chất đầy đủ và hoạt động ngoại khóa phong phú góp phần nâng cao động cơ xã hội. Những sinh viên tham gia tích cực vào câu lạc bộ nghề nghiệp hoặc hoạt động cộng đồng có điểm trung bình động cơ học tập cao hơn nhóm ít tham gia (4,02 so với 3,67).

- Tác động của giới tính và định hướng nghề nghiệp

Sinh viên nữ chiếm đa số trong ngành (95%) thể hiện sự gắn bó nghề cao hơn. Họ có thái độ tích cực với nghề chăm sóc và giáo dục trẻ, phù hợp với định kiến xã hội về vai trò giới.

Tuy nhiên, điều này cũng khiến động cơ xã hội (mong muốn được công nhận, tham gia lãnh đạo, đổi mới) bị hạn chế. Việc tạo cơ hội phát triển năng lực lãnh đạo, nghiên cứu khoa học cho sinh viên nữ là hướng cần được chú trọng.

- Mối quan hệ giữa động cơ và kết quả học tập

Phân tích tương quan cho thấy sinh viên có động cơ nghề nghiệp và nhận thức cao thường đạt điểm trung bình học tập tốt hơn ($r = 0,62$, $p < 0.05$). Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào động cơ nghề nghiệp ngoại tại, thành tích học tập dễ dao động khi môi trường thay đổi. Do đó, việc củng cố động cơ nội tại là điều kiện tiên quyết để đảm bảo kết quả học tập ổn định và bền vững.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy động cơ học tập của sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang ở mức khá, trong đó động cơ nghề nghiệp chiếm ưu thế, phản ánh xu hướng học tập gắn với mục tiêu ổn định việc làm và bảo đảm tương lai nghề nghiệp. Tuy nhiên, động cơ xã hội và tự khẳng định của sinh viên còn hạn chế, cho thấy nhu cầu phát triển các yếu tố nội tại như hứng thú, tự chủ và niềm tin nghề nghiệp chưa thật mạnh. Động cơ học tập của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như sự định hướng của giảng viên, điều kiện học tập, văn hóa vùng miền và chính sách nghề nghiệp. Để thúc đẩy động cơ học tập bền vững, cần tăng cường gắn kết giữa lý thuyết và thực hành, công bằng hơn trong đào tạo và tuyển dụng, khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu và hoạt động xã hội, đồng thời có chính sách hỗ trợ, đãi ngộ và phát triển nghề nghiệp phù hợp cho giáo viên mầm non trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bandura, A. (1997). *Self-efficacy: The exercise of control*. New York: Freeman.
- Deci, E. L., & Ryan, R. M. (1985). *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. New York: Plenum.
- Hoàng Thị Kim Cúc. (2022). Yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên ngành Giáo dục mầm non. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 18(6), 60–67.
- Leontiev, A. N. (1989). *Activity, consciousness, and personality*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
- Maslow, A. H. (1970). *Motivation and personality* (2nd ed.). New York: Harper & Row.
- Phạm Văn Khánh, & Nguyễn Thị Lan. (2021). Động cơ học tập của sinh viên sư phạm: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Tâm lý học*, 3(244), 45–52.
- Trần Thị Thanh Thảo. (2021). Động cơ học tập của sinh viên trong đào tạo giáo viên: Một số gợi ý đổi mới. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 7(3), 21–29.
- Vũ Dũng. (2008). *Từ điển Tâm lý học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Dương Thị Kim Oanh. (2008). *Tâm lý học học tập của sinh viên sư phạm*. NXB Đại học Sư phạm.